

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG  
BAN TỔ CHỨC CUỘC THI  
TÌM HIỂU PHÁP LUẬT  
VỀ ĐDXTĐT VÀ DVCTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày 30 tháng 11 năm 2023

Số: 275/QĐ-BTC

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc ban hành Bộ câu hỏi Cuộc thi “Tìm hiểu pháp luật về Định danh, xác thực điện tử và Dịch vụ công trực tuyến” trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

**BAN TỔ CHỨC CUỘC THI**

Căn cứ Kế hoạch số 761/KH-UBND, ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức Cuộc thi “Tìm hiểu pháp luật về Định danh, xác thực điện tử và Dịch vụ công trực tuyến” trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 1611/QĐ-UBND, ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Ban tổ chức Cuộc thi “Tìm hiểu pháp luật về Định danh, xác thực điện tử và Dịch vụ công trực tuyến” trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Theo đề nghị của Đồng chí Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh Đắk Nông tại Tờ trình số 117/TTr-PC06, ngày 30 tháng 11 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ câu hỏi Cuộc thi “Tìm hiểu pháp luật về Định danh, xác thực điện tử và Dịch vụ công trực tuyến” trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, địa phương; các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban Đảng trực thuộc Tỉnh ủy;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Báo Đắk Nông, Đài PTTH tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, NC.

**TRƯỞNG BAN**



**GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH**  
Đại tá Bùi Quang Thanh







## BỘ CÂU HỎI

### Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu pháp luật về Định danh, xác thực điện tử và Dịch vụ công trực tuyến” trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2275/QĐ-BTC, ngày 30/11/2023 của Ban Tổ chức Cuộc thi)

#### **Câu 1: Theo quy định tại Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/09/2022 của Chính phủ thì “Khái niệm” nào sau đây là đúng?**

A. “Danh tính điện tử” là thông tin của một cá nhân hoặc một tổ chức trong hệ thống định danh và xác thực điện tử cho phép xác định duy nhất cá nhân hoặc tổ chức đó trên môi trường điện tử.

B. “Chủ thể danh tính điện tử” là tổ chức, cá nhân được xác định gắn với danh tính điện tử.

C. “Định danh điện tử” là hoạt động đăng ký, đối soát, tạo lập và gắn danh tính điện tử với chủ thể danh tính điện tử.

D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

#### **Câu 2: Theo Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ thì “Tài khoản định danh điện tử” là gì?**

A. Là tài khoản được tạo lập bởi người dân và doanh nghiệp trên điện thoại. Tài khoản này được quản lý và xác thực trên ứng dụng định danh điện tử quốc gia, do Bộ Thông tin và Truyền thông phát triển.

B. Là tài khoản do người dân tạo lập trên điện thoại, máy tính bảng, máy tính laptop. Tài khoản này được quản lý và xác thực trên ứng dụng định danh điện tử quốc gia, do Bộ Công an phát triển.

C. Là tập hợp gồm tên đăng nhập, mật khẩu hoặc hình thức xác thực khác được tạo lập bởi cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử (Bộ Công an).

D. Là tài khoản do Bộ Công an lập trên các thiết bị thông minh và cấp cho người dân bao gồm tên đăng nhập, mật khẩu.

#### **Câu 3: Theo Nghị định 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ thì “Xác thực điện tử” là gì?**

A. Là hoạt động xác nhận, khẳng định thông tin gắn với chủ thể danh tính điện tử thông qua việc khai thác, đối chiếu thông tin của chủ thể danh tính điện tử đó trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh, cơ sở dữ liệu khác và hệ thống định danh.

B. Là hoạt động xác nhận, khẳng định thông tin gắn với chủ thể danh tính điện tử thông qua việc khai thác, đối chiếu thông tin của chủ thể danh tính điện tử đó trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh, Cơ sở dữ liệu khác và hệ thống định danh và xác thực điện tử hoặc xác thực tài khoản định danh điện tử do hệ



thông định danh và xác thực điện tử tạo lập qua tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử để khẳng định giá trị sử dụng của tài khoản định danh điện tử đó.

C. Là hoạt động xác nhận, khẳng định thông tin gắn với chủ thể danh tính điện tử thông qua việc khai thác, đối chiếu thông tin của chủ thể danh tính điện tử và xác thực điện tử hoặc xác thực tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập qua tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử để khẳng định giá trị sử dụng của tài khoản định danh điện tử đó.

D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

**Câu 4: Theo Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ thì “VNeID” được hiểu như thế nào?**

A. VNeID hay còn gọi là “Ví giấy tờ điện tử” là phương thức quản lý thông tin Căn cước công dân cùng toàn bộ giấy tờ tùy thân trên môi trường mạng, giúp công dân làm thủ tục hành chính trên môi trường điện tử - dịch vụ công trực tuyến của Bộ Công an.

B. VNeID là ứng dụng trên thiết bị số do Bộ Công an tạo lập, phát triển để phục vụ hoạt động định danh điện tử và xác thực điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

C. VNeID là ứng dụng trên thiết bị số do Bộ Công an tạo lập, phát triển để phục vụ hoạt động định danh điện tử và xác thực điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính công trên môi trường điện tử; phát triển các tiện ích để phục vụ cơ quan, tổ chức, cá nhân.

D. VNeID là ứng dụng trên thiết bị số; “dinhdanhdientu.gov.vn”, “vneid.gov.vn” là trang thông tin định danh điện tử do Bộ Công an tạo lập, phát triển để phục vụ hoạt động định danh điện tử và xác thực điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công và các giao dịch khác trên môi trường điện tử; phát triển các tiện ích để phục vụ cơ quan, tổ chức, cá nhân.

**Câu 5: Tài khoản định danh điện tử mức độ 1 của công dân Việt Nam gồm những thông tin nào dưới đây?**

A. Chỉ có thông tin cá nhân gồm số định danh cá nhân; Họ, chữ đệm và tên; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính.

B. Chỉ có Thông tin sinh trắc học là ảnh chân dung.

C. Thông tin cá nhân (Số định danh cá nhân; Họ, chữ đệm và tên; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính) và Thông tin sinh trắc học (ảnh chân dung).

D. Thông tin cá nhân (Số định danh cá nhân; Họ, chữ đệm và tên; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính) và Thông tin sinh trắc học (ảnh chân dung, vân tay).

**Câu 6: Tài khoản định danh điện tử mức độ 2 của công dân Việt Nam gồm những thông tin nào dưới đây?**

A. Chỉ có thông tin cá nhân gồm số định danh cá nhân; Họ, chữ đệm và tên; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính.



A. Công dân sử dụng thiết bị di động tải và cài đặt ứng dụng VNeID.

B. Công dân sử dụng ứng dụng VNeID để nhập thông tin về số định danh cá nhân và số điện thoại hoặc địa chỉ thư điện tử; cung cấp các thông tin theo hướng dẫn trên ứng dụng VNeID; thu nhận ảnh chân dung bằng thiết bị di động và gửi yêu cầu đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử tới cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử qua ứng dụng VNeID.

C. Cơ quan quản lý định danh điện tử thông báo kết quả đăng ký tài khoản qua ứng dụng VNeID hoặc tin nhắn SMS hoặc địa chỉ thư điện tử.

D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

**Câu 11: Công dân Việt Nam đã được cấp thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 2 như thế nào?**

A. Công dân đến Công an xã, phường, thị trấn hoặc nơi làm thủ tục cấp thẻ Căn cước công dân để làm thủ tục cấp tài khoản định danh điện tử. Công dân xuất trình thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử, cung cấp thông tin về số điện thoại hoặc địa chỉ thư điện tử và đề nghị bổ sung thông tin được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử.

B. Chụp ảnh chân dung, thu nhận vân tay theo yêu cầu của người có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ.

C. Kích hoạt tài khoản định danh điện tử sau khi nhận được thông báo kết quả đăng ký tài khoản qua ứng dụng VNeID hoặc tin nhắn SMS hoặc địa chỉ thư điện tử.

D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

**Câu 12: Thời hạn cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 1 đối với công dân Việt Nam đã có thẻ Căn cước công dân gắn chip là bao nhiêu ngày?**

A. Không quá 01 ngày làm việc.

B. Không quá 03 ngày làm việc.

C. Không quá 05 ngày làm việc.

D. Không quá 07 ngày làm việc.

**Câu 13: Thời hạn cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2 đối với công dân Việt Nam đã có thẻ Căn cước công dân gắn chip là bao nhiêu ngày?**

A. Không quá 03 ngày làm việc.

B. Không quá 05 ngày làm việc.

C. Không quá 06 ngày làm việc.

D. Không quá 07 ngày làm việc.

**Câu 14: Thời hạn cấp tài khoản định danh điện tử đối với công dân Việt Nam chưa có thẻ Căn cước công dân gắn chip là bao nhiêu ngày?**

A. Không quá 03 ngày làm việc.



B. Chỉ có Thông tin sinh trắc học là ảnh chân dung.

C. Thông tin cá nhân (Số định danh cá nhân; Họ, chữ đệm và tên; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính) và Thông tin sinh trắc học (Ảnh chân dung).

D. Thông tin cá nhân (Số định danh cá nhân; Họ, chữ đệm và tên; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Thông tin sinh trắc học (ảnh chân dung, vân tay) và các giấy tờ đã được tích hợp trên tài khoản định danh điện tử như thẻ bảo hiểm y tế, giấy đăng ký xe, giấy phép lái xe, mã số thuế...

**Câu 7: Danh tính điện tử công dân Việt Nam gồm những thông tin nào?**

A. Thông tin cá nhân (Số định danh cá nhân; Họ, chữ đệm và tên; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính); Thông tin sinh trắc học (Ảnh chân dung; Vân tay).

B. Thông tin cá nhân (Số định danh cá nhân); thông tin sinh trắc học (Vân tay).

C. Thông tin cá nhân (Họ, chữ đệm và tên; ngày, tháng, năm sinh;); thông tin sinh trắc học (Ảnh chân dung).

D. Thông tin cá nhân (Số định danh cá nhân; Giới tính); Thông tin sinh trắc học (Ảnh chân dung; Vân tay).

**Câu 8: Danh tính điện tử tổ chức gồm những nội dung nào dưới đây?**

A. Mã định danh điện tử của tổ chức, số định danh cá nhân hoặc số định danh của người nước ngoài; họ, chữ đệm và tên người đại diện theo pháp luật hoặc người đứng đầu của tổ chức.

B. Tên tổ chức gồm tên tiếng Việt, tên viết tắt (nếu có) và tên tiếng nước ngoài (nếu có).

C. Ngày, tháng, năm thành lập, Địa chỉ trụ sở chính.

D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

**Câu 9: Danh tính điện tử người nước ngoài gồm những thông tin nào?**

A. Thông tin cá nhân (Số định danh của người nước ngoài; Họ, chữ đệm và tên; ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Quốc tịch; Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm, loại giấy tờ và nơi cấp hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế); Thông tin sinh trắc học (Ảnh chân dung; Vân tay).

B. Thông tin cá nhân (Số định danh của người nước ngoài); Thông tin sinh trắc học (Vân tay).

C. Thông tin cá nhân (Số định danh của người nước ngoài; Họ, chữ đệm và tên; ngày, tháng, năm sinh; Thông tin sinh trắc học (Ảnh chân dung).

D. Thông tin cá nhân (Quốc tịch; số, ký hiệu, ngày, tháng, năm, loại giấy tờ và nơi cấp hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế); Thông tin sinh trắc học (Vân tay).

**Câu 10: Công dân Việt Nam đã có thể Căn cước công dân gắn chip điện tử đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 1 qua ứng dụng VNeID như thế nào?**



- B. Không quá 05 ngày làm việc.
- C. Không quá 06 ngày làm việc.
- D. Không quá 07 ngày làm việc.

**Câu 15: Thẻ Căn cước công dân gắn chip có những tiện ích nào?**

A. Thẻ Căn cước công dân gắn chip tích hợp đầy đủ các thông tin, do đó, khi thực hiện các giao dịch, các thủ tục hành chính, công dân chỉ cần sử dụng thẻ Căn cước công dân gắn chip mà không phải mang theo nhiều loại giấy tờ. Chip gắn trên Căn cước công dân không có chức năng định vị, theo dõi công dân.

B. Thẻ Căn cước công dân gắn chip có tính linh hoạt khi cần bổ sung hoặc sửa đổi thông tin của công dân, dữ liệu thông tin có trong thẻ Căn cước công dân gắn chip có thể truy cập ngay lập tức thông qua thiết bị cho phép đọc thông tin mà không phụ thuộc vào kết nối mạng, giúp cho việc xác thực danh tính công dân nhanh và chính xác.

C. Thẻ Căn cước công dân gắn chip có độ bảo mật cao, dung lượng lưu trữ lớn, cho phép tích hợp nhiều ứng dụng đi kèm như: ứng dụng chữ ký số, ứng dụng sinh trắc học, ứng dụng mật khẩu một lần... có thể được sử dụng và kết nối rộng rãi cho các dịch vụ công cộng và tư nhân.

D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

**Câu 16: Người dân sau khi kích hoạt tài khoản định danh điện tử mức độ 1, mức độ 2 thành công có thể đăng nhập và sử dụng các chức năng, tiện ích nào trên ứng dụng VNeID?**

A. Giải quyết dịch vụ công trực tuyến: thông báo lưu trú, đăng ký thường trú, tạm trú, khai báo tạm vắng... sẽ tự điền thông tin vào các biểu mẫu đăng ký mà không phải khai báo, điền thông tin nhiều lần giúp tiết kiệm được nhiều thời gian, chi phí cho các loại biểu mẫu kê khai, giảm nhiều khâu thủ tục cần giải quyết.

B. Các tính năng nổi bật: Ví giấy tờ, thông báo lưu trú, tố giác tội phạm... giúp công dân có thể thay thế thẻ Căn cước công dân gắn chip, các loại giấy tờ đã đăng ký tích hợp hiển thị trên ứng dụng VNeID như: giấy phép lái xe, đăng ký xe, bảo hiểm y tế...

C. Khi người dân giao dịch hành chính sẽ giảm tối đa các giấy tờ phải mang theo, thực hiện các giao dịch hành chính.

D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

**Câu 17: Tài khoản định danh điện tử có thể tích hợp giấy tờ nào dưới đây của công dân?**

- A. Thẻ Bảo hiểm y tế.
- B. Giấy đăng ký xe.
- C. Giấy phép lái xe.



D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

**Câu 18: Chủ thể danh tính điện tử sử dụng tài khoản định danh điện tử phải tuân thủ quy định nào?**

A. Không được sử dụng tài khoản định danh điện tử vào hoạt động, giao dịch trái quy định của pháp luật.

B. Không được sử dụng tài khoản định danh điện tử xâm phạm đến an ninh, quốc phòng, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

C. Không được can thiệp trái phép vào hoạt động của hệ thống định danh và xác thực điện tử.

D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

**Câu 19: Đối tượng nào dưới đây được cấp tài khoản định danh điện tử?**

A. Công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên, đối với công dân Việt Nam là người chưa đủ 14 tuổi hoặc là người được giám hộ được đăng ký theo tài khoản định danh điện tử của cha, mẹ, hoặc người giám hộ.

B. Cơ quan, tổ chức được thành lập hoặc đăng ký hoạt động tại Việt Nam.

C. Người nước ngoài từ đủ 14 tuổi trở lên nhập cảnh vào Việt Nam; đối với người nước ngoài là người chưa đủ 14 tuổi hoặc là người được giám hộ được đăng ký theo tài khoản định danh điện tử của cha, mẹ hoặc người giám hộ.

D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

**Câu 20: Tài khoản định danh điện tử của công dân Việt Nam có mấy mức độ?**

A. 3 mức độ.

B. 2 mức độ.

C. 1 mức độ.

D. 4 mức độ.

**Câu 21: Việc sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2 đối với chủ thể danh tính điện tử là công dân Việt Nam có những lợi ích nào dưới đây?**

A. Có giá trị tương đương như việc sử dụng thẻ Căn cước công dân trong thực hiện các giao dịch có yêu cầu xuất trình thẻ Căn cước công dân.

B. Có giá trị cung cấp thông tin trong các loại giấy tờ của công dân đã đồng bộ vào tài khoản định danh điện tử để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện các giao dịch có yêu cầu xuất trình giấy tờ đó.

C. Tiết kiệm được nhiều thời gian, chi phí vì không phải kê khai nhiều loại biểu mẫu, giảm nhiều khâu thủ tục khi thực hiện giao dịch hành chính công.

D. Tất cả phương án trên đều đúng.



**Câu 22: Để đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 2, công dân Việt Nam cần làm gì?**

A. Đến Công an xã, phường, thị trấn hoặc nơi làm thủ tục cấp thẻ Căn cước công dân để làm thủ tục cấp tài khoản định danh điện tử; xuất trình thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử, cung cấp thông tin về số điện thoại hoặc địa chỉ thư điện tử và đề nghị bổ sung thông tin được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử.

B. Chỉ cần thực hiện các thao tác đăng ký trên điện thoại di động.

C. Không cần làm gì cả, cán bộ công an xã/phường sẽ đăng ký hộ.

D. Đến cơ quan công an chỉ để cung cấp các giấy tờ cá nhân như thẻ bảo hiểm y tế, giấy phép lái xe, đăng ký xe...

**Câu 23: Tài khoản định danh điện tử công dân Việt Nam bị khóa khi nào?**

A. Chủ thẻ danh tính điện tử yêu cầu khóa tài khoản định danh điện tử của mình.

B. Chủ thẻ danh tính điện tử chết.

C. Chủ thẻ danh tính điện tử vi phạm điều khoản sử dụng ứng dụng VNeID hoặc bị thu hồi thẻ Căn cước công dân.

D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

**Câu 24: 12 số trên thẻ Căn cước công dân có ý nghĩa như thế nào?**

A. 03 chữ số đầu tiên là mã tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc mã quốc gia nơi công dân đăng ký khai sinh; 01 chữ số tiếp theo là mã giới tính và mã thế kỷ sinh của công dân; 02 chữ số tiếp theo là mã năm sinh của công dân; 06 chữ số cuối là khoảng số ngẫu nhiên.

B. 06 chữ số đầu tiên là mã tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc mã quốc gia nơi công dân đăng ký khai sinh; 01 chữ số tiếp theo là mã giới tính của công dân; 02 chữ số tiếp theo là mã năm sinh của công dân; 03 chữ số cuối là khoảng số ngẫu nhiên.

C. 04 chữ số đầu tiên là mã tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc mã quốc gia nơi công dân đăng ký khai sinh; 01 chữ số tiếp theo là mã giới tính của công dân; 02 chữ số tiếp theo là mã năm sinh của công dân; 03 chữ số cuối là khoảng số ngẫu nhiên.

D. 06 chữ số đầu tiên là mã tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc mã quốc gia nơi công dân đăng ký khai sinh; 06 chữ số cuối là khoảng số ngẫu nhiên.

**Câu 25: Trong trường hợp mất thiết bị đang sử dụng tài khoản định danh điện tử, công dân có thể thực hiện yêu cầu khóa tạm thời tài khoản để đảm bảo an toàn cho dữ liệu cá nhân của mình theo cách nào dưới đây?**

A. Yêu cầu khóa tài khoản trên Trang thông tin định danh điện tử <https://vneid.gov.vn>.

B. Liên hệ cơ quan công an để được hỗ trợ khóa tạm thời tài khoản.

C. Liên hệ qua số Hotline 1900.0368 để được hỗ trợ khóa tạm thời tài khoản.



D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

**Câu 26: Hạn sử dụng tài khoản định danh điện tử là bao nhiêu lâu?**

A. 10 năm.

B. 20 năm.

C. Theo thời hạn thẻ căn cước công dân gắn chíp.

D. 30 năm.

**Câu 27: Công dân sử dụng tài khoản định danh điện tử của mình như thế nào?**

A. Công dân chỉ có thể đăng nhập tài khoản định danh điện tử của công dân trên một thiết bị duy nhất tại một thời điểm nên công dân không thể sử dụng tài khoản định danh điện tử trên nhiều thiết bị khác nhau cùng thời điểm.

B. Cùng một lúc trên tất cả các thiết bị có cài đặt ứng dụng VNeID.

C. Được sử dụng cùng một lúc trên 2 thiết bị di động.

D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

**Câu 28: Có nên thực hiện theo yêu cầu khi nhận được cuộc gọi lạ, xưng là cán bộ Công an yêu cầu cung cấp các thông tin cá nhân, tài khoản ngân hàng,... để cấp tài khoản định danh điện tử không?**

A. Không. Vì người dân có thể đăng ký cấp tài khoản định danh điện tử qua ứng dụng VNeID hoặc đến trực tiếp cơ quan Công an để thực hiện. Cán bộ Công an sẽ không gọi điện yêu cầu công dân cung cấp thêm thông tin cá nhân hay bất kỳ loại giấy tờ nào khác.

B. Có. Vì cơ quan công an có thể cần bổ sung thêm giấy tờ tích hợp vào tài khoản Định danh điện tử và liên hệ vì đã có số điện thoại lưu trong hệ thống.

C. Chỉ cung cấp thông tin về bảo hiểm y tế, giấy phép lái xe, đăng ký xe cho người gọi điện; không cung cấp thông tin tài khoản ngân hàng.

D. Tùy vào nội dung cơ quan công an yêu cầu mà cân nhắc thực hiện theo hay không.

**Câu 29: Công dân sử dụng tài khoản định danh điện tử trên ứng dụng VNeID như thế nào cho đúng?**

A. Không chia sẻ thông tin tài khoản cho người khác.

B. Đăng xuất tài khoản khi cho người khác mượn thiết bị.

C. Luôn cập nhật các thông tin về ứng dụng để nắm được các tin tức - thông báo mới nhất về các hướng dẫn an toàn thông tin.

D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

**Câu 30: Mật khẩu ứng dụng VNeID phải đảm bảo yêu cầu nào?**

A. Phải từ 8 - 20 ký tự.



- B. Bao gồm số, chữ viết hoa, chữ viết thường.
- C. Bao gồm ít nhất 1 ký tự đặc biệt.
- D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

**Câu 31: Chủ thể danh tính điện tử thực hiện kích hoạt tài khoản định danh điện tử trên ứng dụng VNeID trong bao nhiêu ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả cấp tài khoản định danh điện tử?**

- A. 05 ngày.
- B. 06 ngày.
- C. 07 ngày.
- D. 08 ngày.

**Câu 32: Dịch vụ hành chính công là gì?**

A. Là những dịch vụ liên quan đến hoạt động thực thi pháp luật, không nhằm mục tiêu lợi nhuận, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân dưới hình thức các loại giấy tờ có giá trị pháp lý hoặc dưới hình thức thông báo kết quả thực hiện trong các lĩnh vực mà cơ quan nhà nước đó quản lý.

B. Là những dịch vụ liên quan đến hoạt động thực thi pháp luật, nhằm mục tiêu lợi nhuận.

C. Là những dịch vụ liên quan đến hoạt động thực thi pháp luật, không nhằm mục tiêu lợi nhuận, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ cấp cho tổ chức.

D. Là những dịch vụ liên quan đến hoạt động thực thi pháp luật, nhằm mục tiêu lợi nhuận, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân dưới hình thức các loại giấy tờ có giá trị pháp lý trong các lĩnh vực mà cơ quan nhà nước đó quản lý.

**Câu 33: Dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước là gì?**

A. Là dịch vụ hành chính công và các dịch vụ khác của cơ quan nhà nước được cung cấp cho các tổ chức, cá nhân.

B. Là dịch vụ hành chính công và các dịch vụ khác của cơ quan nhà nước được cung cấp cho các tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng.

C. Là dịch vụ hành chính công của cơ quan nhà nước được cung cấp chỉ cho các tổ chức trên môi trường mạng.

D. Là dịch vụ hành chính công của cơ quan nhà nước được cung cấp chỉ cho cá nhân trên môi trường mạng.

**Câu 34: Theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ thì dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước có những mức độ nào dưới đây?**

- A. Có 1 mức độ: Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.



B. Có 2 mức độ: Dịch vụ công trực tuyến toàn trình; Dịch vụ công trực tuyến một phần.

C. Có 3 mức độ: Mức độ 1, mức độ 2, mức độ 3.

D. Có 4 mức độ: Mức độ 1, mức độ 2, mức độ 3, mức độ 4.

**Câu 35: Theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP, ngày 24/6/2022 của Chính phủ thì “Dịch vụ công trực tuyến toàn trình” của cơ quan nhà nước là gì?**

A. Là dịch vụ bảo đảm cung cấp toàn bộ thông tin về thủ tục hành chính, việc thực hiện và giải quyết thủ tục hành chính đều được thực hiện trên môi trường mạng. Việc trả kết quả được thực hiện trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

B. Là dịch vụ bảo đảm cung cấp một phần thông tin về thủ tục hành chính, việc thực hiện và giải quyết thủ tục hành chính đều được thực hiện trên môi trường mạng.

C. Là dịch vụ bảo đảm chỉ cung cấp toàn bộ thông tin việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường mạng.

D. Là dịch vụ bảo đảm chỉ cung cấp toàn bộ thông tin việc giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường mạng.

**Câu 36: Để thực hiện thủ tục hành chính qua hình thức dịch vụ công trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia, công dân cần truy cập vào địa chỉ nào dưới đây?**

A. <https://dvc.gov.vn>.

B. <https://congdictvucong.gov.vn>.

C. <https://dichvucong.gov.vn>.

D. Zalo.com, facebook.com.

**Câu 37: Tài khoản nào có thể dùng để đăng nhập vào Cổng dịch vụ công quốc gia?**

A. Tài khoản đăng ký trên Cổng dịch vụ công quốc gia/Tài khoản Định danh điện tử VNeID.

B. Tài khoản Zalo.

C. Tài khoản Facebook.

D. Tài khoản Gmail.

**Câu 38: Theo Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ thì các loại giấy tờ nào sau đây có giá trị chứng minh thông tin về nơi cư trú?**

A. Thẻ Căn cước công dân.

B. Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

C. Giấy xác nhận thông tin về cư trú.



D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

**Câu 39: Theo quy định tại Nghị định số 104/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ thì việc khai thác, sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được thực hiện bằng một trong các phương thức nào dưới đây?**

A. Tra cứu, khai thác thông tin cá nhân qua chức năng của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh đã được kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

B. Tra cứu thông tin cá nhân thông qua tài khoản định danh điện tử của công dân được hiển thị trong ứng dụng VNeID.

C. Sử dụng thiết bị đầu đọc đã được kết nối trực tuyến với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, bao gồm thiết bị đọc mã QR Code hoặc thiết bị đọc chip trên thẻ Căn cước công dân gắn chip.

D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

**Câu 40: Theo quy định của Luật Cư trú, Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú đã được cấp vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú cho đến thời điểm nào sau đây?**

A. Đến hết ngày 31/12/2022.

B. Đến hết ngày 31/12/2023.

C. Đến hết ngày 01/7/2024.

D. Đến hết ngày 31/12/2024.

**Câu 41: Công dân thông báo lưu trú với cơ quan Công an bằng hình thức nào?**

A. Trực tiếp tại cơ quan đăng ký cư trú hoặc điểm tiếp nhận thông báo lưu trú.

B. Thông qua số điện thoại, hộp thư điện tử do cơ quan đăng ký cư trú thông báo hoặc niêm yết hoặc qua ứng dụng trên thiết bị điện tử.

C. Thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an.

D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

**Câu 42: Thời hạn giải quyết đối với thủ tục Phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở được quy định như thế nào?**

A. 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

B. 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

C. 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

D. 09 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**Câu 43: Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh có thẩm quyền thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với:**



A. Đồ án quy hoạch đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và các khu chức năng khác theo Luật Quy hoạch trên địa bàn quản lý; dự án, công trình không thuộc thẩm quyền của Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn quản lý và những trường hợp do Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ủy quyền.

B. Phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn quản lý không thuộc thẩm quyền của Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và những trường hợp do Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ủy quyền, trừ các cơ sở quốc phòng hoạt động phục vụ mục đích quân sự và phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy được các cơ sở quốc phòng chế tạo hoặc hoán cải chuyên dùng cho hoạt động quân sự.

C. Cả 2 nội dung trên đều đúng.

D. Cả 2 nội dung trên đều sai.

**Câu 44: Thời hạn giải quyết đối với thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy quy định như thế nào?**

A. 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

B. 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

C. 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

D. 04 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**Câu 45: Để đóng phạt vi phạm hành chính trực tuyến công dân phải truy cập vào website nào?**

A. Dichvuong.BCA.vn.

B. Dichvuong.vn.

C. <https://dichvuong.gov.vn>.

D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

**Câu 46: Đóng phạt qua Cổng Dịch vụ công quốc gia bằng mấy hình thức?**

A. Một hình thức.

B. Hai hình thức.

C. Ba hình thức.

D. Bốn hình thức.

**Câu 47: Khi nộp xong hồ sơ đề nghị cấp hộ chiếu trên Cổng dịch vụ công quốc gia, công dân nộp lệ phí bằng cách nào?**

A. Lên nộp trực tiếp tại Bộ phận 1 cửa Công an tỉnh hoặc phòng quản lý xuất nhập cảnh.

B. Nộp qua hệ thống trực tuyến của các ngân hàng và các ví điện tử.



C. Nộp trực tiếp tại các ngân hàng.

D. Nộp trực tiếp tại bưu điện xã, phường, thị trấn.

**Câu 48: Để thực hiện được dịch vụ cấp hộ chiếu trên Cổng dịch vụ công quốc gia trên nền Internet tại nhà, công dân cần những điều kiện gì?**

A. CMND, sổ hộ khẩu, thiết bị điện tử có kết nối Internet (điện thoại di động thông minh, máy tính, máy tính bảng), thuê bao di động chính chủ.

B. CCCD, thiết bị điện tử có kết nối Internet (điện thoại di động thông minh, máy tính, máy tính bảng), thuê bao di động chính chủ.

C. Chỉ cần căn cước công dân.

D. Chỉ cần CMND và hộ khẩu hoặc giấy khai sinh cho người dưới 14 tuổi.

**Câu 49: Thời hạn trả hộ chiếu (kể từ khi công dân nộp lệ phí) là bao nhiêu ngày?**

A. 8 ngày làm việc.

B. 10 ngày làm việc.

C. 15 ngày làm việc.

D. 5 ngày làm việc.

**Câu 50: Lệ phí cấp mới hộ chiếu theo Thông tư số 44/2023/TT-BTC, ngày 29/6/2023 là bao nhiêu?**

A. 200.000đ.

B. 160.000đ.

C. 400.000đ.

D. 300.000đ.

**Câu 51: Lệ phí cấp lại hộ chiếu do bị mất hoặc hư hỏng theo Thông tư số 44/2023/TT-BTC, ngày 29/6/2023 là bao nhiêu?**

A. 200.000đ.

B. 420.000đ.

C. 320.000đ.

D. 500.000đ.

**Câu 52: Thủ tục liên thông trực tuyến “Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi” được thực hiện đối với trường hợp nào?**

A. Đăng ký khai sinh thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã, trừ trường hợp đăng ký khai sinh trong một số trường hợp đặc biệt và tại khu vực



biên giới theo quy định tại Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ.

B. Cấp thẻ bảo hiểm y tế lần đầu cho trẻ dưới 6 tuổi.

C. Đăng ký thường trú, trừ trường hợp đăng ký thường trú về ở với bố mẹ đang là nhân khẩu tập thể.

D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

**Câu 53: Tùy theo điều kiện cụ thể, người dân có thể lựa chọn thực hiện liên thông trực tuyến đối với 02 thủ tục hành chính nào?**

A. Đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi.

B. Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú.

C. Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi, đăng ký thường trú.

D. Đáp án A và B đều đúng.

**Câu 54: Công dân có thể đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia để nộp hồ sơ trực tuyến liên thông “Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi”; “Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hỗ trợ chi phí mai táng, trợ cấp mai táng” bằng hình thức nào?**

A. Đăng nhập tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (tại địa chỉ [dichvucong.gov.vn](http://dichvucong.gov.vn)).

B. Quét mã QR định danh đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia.

C. Cả đáp án A và B đều đúng.

D. Cả đáp án A và B đều sai.

**Câu 55: Thời gian giải quyết nhóm thủ tục hành chính liên thông trực tuyến “Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi” là bao nhiêu ngày?**

A. Không quá 02 ngày làm việc.

B. Không quá 04 ngày làm việc kể từ khi các cơ quan có thẩm quyền giải quyết nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, trường hợp phải xác minh thì không quá 06 ngày làm việc.

C. Không quá 05 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì không quá 10 ngày làm việc.

D. Không quá 07 ngày làm việc kể từ khi các cơ quan có thẩm quyền giải quyết nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, trường hợp phải xác minh thì không quá 12 ngày làm việc.

**Câu 56: Người có yêu cầu thực hiện thủ tục Đăng ký kết hôn trực tuyến nộp hồ sơ thông qua địa chỉ nào?**

A. Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công của tỉnh.

B. Hệ thống Đăng ký và quản lý hộ tịch dùng chung của Bộ Tư pháp.



- C. Hệ thống thư điện tử.
- D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

**Câu 57: Phạm vi áp dụng Thủ tục đăng ký kết hôn trực tuyến?**

- A. Áp dụng đối với người yêu cầu là công dân Việt Nam hoặc công dân nước người thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND cấp huyện.
- B. Áp dụng đối với người yêu cầu là công dân Việt Nam thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND cấp huyện/UBND cấp xã.
- C. Áp dụng đối với người yêu cầu là người nước ngoài thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND cấp huyện/UBND cấp xã.
- D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

**Câu 58: Khi có nhu cầu công dân có thể nộp hồ sơ đề nghị cấp Phiếu lý lịch tư pháp ở đâu?**

- A. Nộp trực tiếp tại trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông.
- B. Nộp Hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ <https://dichvucong.daknong.gov.vn>.
- C. Nộp Hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính.
- D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

**Câu 59: Nộp hồ sơ đề nghị cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến tại địa chỉ nào sau đây?**

- A. Truy cập vào Cổng dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>.
- B. Truy cập vào Cổng dịch vụ công tỉnh Đắk Nông tại địa chỉ: <https://dichvucong.daknong.gov.vn>.
- C. Truy cập Dịch vụ đăng ký cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến tại địa chỉ: <https://ltptructuyen.moj.gov.vn>.
- D. Cả A và B đều đúng.

**Câu 60: Đổi Giấy phép lái xe ô tô do ngành giao thông vận tải cấp nộp trực tiếp tại trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, thành phần hồ sơ gồm những gì?**

- A. Bản sao giấy phép lái xe, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam) hoặc hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài), đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định.
- B. Bản sao giấy phép lái xe, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam) hoặc hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài), đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định.



dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài), Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.

C. Bản sao giấy phép lái xe, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam) hoặc hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định, Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.

D. Đáp án khác.

**Câu 61: Thủ tục để được đổi giấy phép lái xe quân sự do bộ quốc phòng cấp, hồ sơ gồm những gì?**

A. Bản sao giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng, Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định, Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3.

B. Bản sao giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng, Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định, Bản sao Quyết định thôi phục vụ trong Quân đội thời hạn không quá 06 tháng tính từ ngày Thủ trưởng cấp trung đoàn ký trở lên hoặc quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, thời hạn không quá 6 tháng tính từ ngày cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp quốc phòng ký.

C. Bản sao giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng, Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu quy định, Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3, Bản sao Quyết định thôi phục vụ trong Quân đội thời hạn không quá 06 tháng tính từ ngày Thủ trưởng cấp trung đoàn ký trở lên hoặc quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, thời hạn không quá 6 tháng tính từ ngày cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp quốc phòng ký, Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn kèm bản chính để đối chiếu.

D. Đáp án khác.

**Câu 62: Lệ phí đổi Giấy phép lái xe do ngành giao thông vận tải cấp nộp trực tiếp tại trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh là bao nhiêu?**

A. 115.000đ.

B. 125.000đ.

C. 135.000đ.

D. 145.000đ.

**Câu 63: Khi đăng ký đăng ký tài khoản tại Cổng dịch vụ công quốc gia theo đường link <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-trang-chu.html>, để nộp hồ sơ dịch vụ công toàn trình đổi giấy phép lái xe do ngành giao thông vận tải cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, thì số điện thoại của cá nhân đăng ký tài khoản có cần đảm bảo chính chủ hay không?**



- A. Có.
- B. Không.
- C. Số điện thoại nào cũng được.
- D. Đáp án khác.

**Câu 64: Theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, đến năm 2025, tối thiểu 80% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán qua hình thức này?**

- A. Thanh toán trực tuyến.
- B. Thanh toán trực tiếp tại Bộ phận một cửa các cấp.
- C. Thanh toán trực tiếp tại ngân hàng.
- D. Thanh toán liên ngân hàng.

**Câu 65: Theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, ai có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại địa phương?**

- A. Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.
- B. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- C. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh.
- D. Bí thư Tỉnh ủy.

**Câu 66: Người nộp thuế là cá nhân khai thay đổi thông tin đăng ký thuế thì có thể thực hiện bằng những hình thức nào?**

- A. Khai theo phương thức điện tử: qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tại địa chỉ <https://thuedientu.gdt.gov.vn> hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn>.
- B. Khai qua cơ quan chi trả thu nhập.
- C. Khai trực tiếp tại cơ quan thuế nơi cá nhân đăng ký hộ khẩu thường trú/ tạm trú áp dụng đối với trường hợp cá nhân không làm việc tại cơ quan chi trả thu nhập.
- D. Tất cả các hình thức trên đều đúng.

**Câu 67: Người nộp thuế cần làm những gì để có thể cập nhật thông tin căn cước công dân trong đăng ký thuế theo phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế?**

- A. Truy cập địa chỉ <https://thuedientu.gdt.gov.vn>.
- B. Chọn tab “Cá nhân”\Đăng nhập và Nhập các thông tin tài khoản giao dịch thuế điện tử đã được cấp.
- C. Sau khi đăng nhập thành công, tại thanh chức năng, tích chọn Đăng ký thuế\Thay đổi thông tin. Tiếp tục tích chọn “Lấy thông tin công dân” để truy vấn thông tin cá nhân từ CSDL Quốc gia về dân cư. Sau khi đối chiếu, NNT xác nhận



hoàn thành và tích chọn "Hoàn thành kê khai" và thực hiện các bước theo hướng dẫn tại Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để gửi tờ khai và các hồ sơ đính kèm đến cơ quan thuế, kết thúc kê khai thay đổi thông tin đăng ký thuế.

D. Tất cả các bước trên.

**Câu 68: Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh muốn thay đổi thông tin đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử phải thực hiện như thế nào?**

Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh thực hiện thay đổi thông tin và gửi lại cơ quan thuế theo Mẫu số 01/ĐKTD- HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP qua:

A. Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

B. Tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử.

C. Đại lý thuế.

D. Đáp án A và B đúng.

**Câu 69: Thời điểm lập hóa đơn đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt; tổ chức kinh doanh bất động sản; xây dựng cơ sở hạ tầng, nhà để bán; chuyển nhượng?**

A. Đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

B. Đối với tổ chức kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, chuyển nhượng: Trường hợp chưa chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng: Có thực hiện thu tiền theo tiến độ thực hiện dự án hoặc tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng thì thời điểm lập hóa đơn là ngày thu tiền hoặc theo thỏa thuận thanh toán trong hợp đồng; Trường hợp đã chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng: Thời điểm lập hóa đơn thực hiện theo quy định như đối với bán hàng hóa.

C. Đáp án A và B đúng.

D. Đáp án A và B sai.

**Câu 70: Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, nộp thuế đối với tổ chức là sàn giao dịch thương mại điện tử khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân có hoạt động mua bán hàng hóa, dịch vụ trên sàn?**

Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân trong trường hợp khai tháng hoặc quý như sau:

A. Tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân thuộc trường hợp nộp hồ sơ khai thuế theo tháng thì thời hạn nộp hồ sơ khai thuế chậm nhất là ngày thứ 20 của tháng tiếp theo liền kề tháng phát sinh nghĩa vụ khai thuế thay, nộp thuế thay.



B. Tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân thuộc trường hợp nộp hồ sơ khai thuế theo quý thì thời hạn nộp hồ sơ khai thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng đầu tiên của quý tiếp theo liền kề quý phát sinh nghĩa vụ khai thuế thay, nộp thuế thay.

C. Thời hạn nộp thuế: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 55 Luật Quản lý thuế, cụ thể: Thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế. Trường hợp khai bổ sung hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế là thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai sót.

D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

**Câu 71: Tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân trong những trường hợp nào?**

A. Tổ chức thuê tài sản của cá nhân mà trong hợp đồng thuê tài sản có thỏa thuận bên đi thuê là người nộp thuế; Tổ chức hợp tác kinh doanh với cá nhân.

B. Tổ chức chi trả các khoản thưởng, hỗ trợ đạt doanh số, khuyến mại, chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, chi hỗ trợ bằng tiền hoặc không bằng tiền, các khoản bồi thường vi phạm hợp đồng, bồi thường khác cho hộ khoán; Tổ chức tại Việt Nam là đối tác của nhà cung cấp nền tảng số ở nước ngoài (không có cơ sở thường trú tại Việt Nam) thực hiện chi trả thu nhập từ sản phẩm, dịch vụ nội dung thông tin số cho cá nhân theo thỏa thuận với nhà cung cấp nền tảng số ở nước ngoài.

C. Tổ chức bao gồm cả chủ sở hữu Sàn giao dịch thương mại điện tử thực hiện việc khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân trên cơ sở ủy quyền theo quy định của pháp luật dân sự; Cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân là người nộp thuế trên cơ sở ủy quyền theo quy định của pháp luật dân sự.

D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

**Câu 72: Hình thức chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế được quy định như thế nào?**

A. Hình thức gửi trực tiếp.

B. Hình thức gửi thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử.

C. Đáp án A và B đúng.

D. Đáp án A và B sai.

**Câu 73: Người mua hóa đơn là các đơn vị sự nghiệp có bắt buộc phải ghi mã số thuế người mua trên hóa đơn điện tử không?**

A. Người mua là các đơn vị sự nghiệp có mã số thuế thì phải ghi đủ thông tin mã số thuế trên hóa đơn theo quy định.

B. Người mua là các đơn vị sự nghiệp có mã số thuế thì có thể ghi hoặc không ghi thông tin mã số thuế trên hóa đơn.

C. Đáp án A và B đúng.



D. Đáp án A và B sai.

**Câu 74: Ứng dụng “VssID - Bảo hiểm xã hội số” là gì?**

A. Là ứng dụng trên thiết bị di động được phát triển bởi Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư của Bộ Công an Việt Nam.

B. Là ứng dụng dịch vụ thông tin trên nền tảng thiết bị di động chính thức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam. Ứng dụng được phát triển nhằm mục đích thiết lập kênh giao tiếp, tiếp cận thông tin, thực hiện dịch vụ công cho cá nhân, tổ chức tham gia giao dịch với cơ quan Bảo hiểm xã hội thông qua môi trường di động một cách tiện lợi, dễ dàng, nhanh chóng và bảo mật.

C. Là nền tảng để người dân, doanh nghiệp tương tác với chính quyền tỉnh Đắk Nông qua môi trường số.

D. Là ứng dụng trên nền tảng thiết bị điện tử của Bộ y tế giúp người dân Việt Nam biết và tự quản lý thông tin sức khỏe của bản thân, chủ động trong việc phòng bệnh và chăm sóc sức khỏe bản thân.

**Câu 75: Người dân có thể thực hiện Dịch vụ công trực tuyến ngành BHXH qua các hình thức nào dưới đây?**

A. Qua cổng thông tin điện tử <https://dichvucong.baohiemxahoi.gov.vn>.

B. Qua cổng thông tin điện tử <https://dichvucong.gov.vn/>.

C. Qua ứng dụng VssID - BHXH số.

D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

**Câu 76: Thủ tục hành chính liên thông "Đăng ký khai tử-Xóa đăng ký thường trú-Trợ cấp mai táng phí" thực hiện tại cơ quan BHXH đối với người chết thuộc các trường hợp nào sau đây?**

A. Người đang hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hằng tháng; người đang bảo lưu thời gian đóng BHXH mà đã có thời gian đóng BHXH bắt buộc từ đủ 12 tháng trở lên.

B. Người tham gia BHXH tự nguyện có thời gian đóng BHXH tự nguyện từ đủ 60 tháng trở lên; người tham gia BHXH tự nguyện có thời gian đóng BHXH bắt buộc từ đủ 12 tháng trở lên, hoặc có tổng thời gian đóng BHXH bắt buộc và tự nguyện từ đủ 60 tháng trở lên.

C. Người đang chờ đủ điều kiện về tuổi đời để hưởng chế độ hưu trí, trợ cấp hằng tháng; người từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng.

D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

**Câu 77: Người dân có thể thực hiện thủ tục hành chính liên thông “Đăng ký khai sinh - Đăng ký thường trú - Cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 06 tuổi” tuổi bằng cách nào dưới đây?**

A. Truy cập Cổng dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ: <https://lienthong.dichvucong.gov.vn>.



B. Truy cập Công dịch vụ công Bộ Tư pháp tại địa chỉ <https://dichvucong.moj.gov.vn/>.

C. Truy cập Công dịch vụ công Bảo hiểm xã hội Việt Nam tại địa chỉ <https://dichvucong.baohiemxahoi.gov.vn>.

D. Truy cập Công dịch vụ công Bộ Công an tại địa chỉ <https://dichvucong.bocongan.gov.vn/>.

**Câu 78: Một người có thể có nhiều tài khoản (tên) đăng nhập để sử dụng ứng dụng VssID không?**

A. Ứng dụng VssID sử dụng tài khoản (tên) đăng nhập là mã số Bảo hiểm xã hội. Với mỗi cá nhân có thể có một hoặc hai mã số Bảo hiểm xã hội. Vì vậy, một người có thể có hơn một tài khoản (tên) đăng nhập ứng với mã số Bảo hiểm xã hội của mình để sử dụng ứng dụng.

B. Ứng dụng VssID sử dụng tài khoản (tên) đăng nhập là mã số Bảo hiểm xã hội. Với mỗi cá nhân có một mã số Bảo hiểm xã hội duy nhất. Vì vậy, một người chỉ có một tài khoản (tên) đăng nhập duy nhất ứng với mã số Bảo hiểm xã hội của mình để sử dụng ứng dụng.

C. Ứng dụng VssID sử dụng tài khoản (tên) đăng nhập là mã số Bảo hiểm xã hội. Với mỗi cá nhân có thể có nhiều mã số Bảo hiểm xã hội. Vì vậy, một người có thể có nhiều tài khoản (tên) đăng nhập ứng với mã số Bảo hiểm xã hội của mình để sử dụng ứng dụng.

D. Ứng dụng VssID sử dụng tài khoản (tên) đăng nhập là mã số Bảo hiểm xã hội. Với mỗi cá nhân có nhiều nhất ba mã số Bảo hiểm xã hội. Vì vậy, một người có thể có ba tài khoản (tên) đăng nhập ứng với mã số Bảo hiểm xã hội của mình để sử dụng ứng dụng.

**Câu 79: Cách nào sau đây có thể tích hợp thẻ bảo hiểm y tế (BHYT) vào căn cước công dân (CCCD) gắn chip, để có thể sử dụng CCCD thay cho thẻ BHYT khi đi khám chữa bệnh?**

A. Mang theo CCCD và thẻ BHYT còn hiệu lực đến cơ quan BHXH gần nhất để yêu cầu tích hợp.

B. Tích hợp thông tin BHYT trực tuyến trên webiste Công dịch vụ công BHXH Việt Nam bằng chức năng thay đổi số căn cước công dân (đối với người đã có tài khoản giao dịch điện tử VssID trước khi có thẻ CCCD gắn chip 12 số).

C. Đăng ký tài khoản sử dụng VssID bằng thẻ CCCD gắn chip.

D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

**Câu 80: Ứng dụng “VssID - Bảo hiểm xã hội số” cung cấp thông tin nào sau đây?**

A. Hình ảnh Thẻ Bảo hiểm y tế.

B. Quá trình tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp, Bảo hiểm y tế.



C. Số khám chữa bệnh (từ năm 2017 trở đi).

D. Tất cả các phương án trên đều đúng.